

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG

Số: 216/CTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 6 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

Hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số” (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 109/NQ-CP và Kết luận số 18-KL/TW);

Thực hiện Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 17/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bổ sung, điều chỉnh Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 10/10/2025 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 51-CTr/TU);

Thực hiện Chương trình hành động số 52-CTr/TU ngày 17/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 52-CTr/TU);

Thực hiện Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 31/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 63-CTr/TU);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”, cụ thể như sau:



I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18- KL/TW, Nghị quyết số 109/NQ-CP; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các Chương trình hành động số: 51-CTr/TU ngày 17/4/2026, số 52-CTr/TU ngày 17/4/2026, số 63-CTr/TU ngày 31/5/2026; bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đã đề ra nhằm thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính và đầu tư công của tỉnh giai đoạn 2026-2030, gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính và đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thành các nhiệm vụ, chương trình, đề án cụ thể, gắn với chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả và khả thi.

- Đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp; xác định rõ nhiệm vụ của các cấp, các ngành; nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực và không gian phát triển mới; phấn đấu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10,5%/năm; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Thực hiện thắng lợi mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, thu nhập trung bình cao. Hoàn thiện và tạo lập hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ, nhất quán, có hiệu lực, hiệu quả cao; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá, xây dựng con người Tuyên Quang toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, kỹ năng sống, nghề nghiệp. Tăng cường bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

(Chỉ tiêu cụ thể và phân công thực hiện tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” giai đoạn 2026-2030

1.1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, công chức và Nhân dân về mục tiêu tăng trưởng “2 con số” bằng các hình thức đa dạng, phù hợp; đảm bảo nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách trong tổ chức thực hiện. Trọng tâm là làm rõ ý nghĩa của con số tăng trưởng không chỉ là mục tiêu phát triển kinh tế, mà còn là cơ sở để nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

- Cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm gắn với phân công nhiệm vụ cụ thể. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Lấy mục tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng là một trong những tiêu chí chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm, đặc biệt là người đứng đầu các cấp, các ngành.

1.2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, phối hợp với các cơ quan báo chí và phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh

Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin và khơi dậy khát vọng phát triển, truyền cảm hứng mạnh mẽ về tinh thần tự lực tự cường và đổi mới sáng tạo trong cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; xây dựng niềm tin và sự đồng thuận xã hội, biến quyết tâm chính trị thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 đã đề ra.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng bộ máy hệ thống chính trị đồng bộ, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.1. Về hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

a) *Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường*: Tiếp tục rà soát, đẩy nhanh tiến độ xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy. Tập trung xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh để hoàn thiện thể chế phục vụ phát triển, trọng tâm là các lĩnh vực: nông nghiệp, du lịch, quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, ... Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) *Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường*: Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026, Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới. Đổi mới tư duy, phương pháp kiểm tra, thanh tra, tập trung vào các địa bàn, lĩnh vực dễ phát sinh lãng phí, tiêu cực và các vấn đề dư luận xã hội quan tâm.

2.2. Về xây dựng bộ máy hệ thống chính trị đồng bộ, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

a) *Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm tinh gọn, rõ chức năng, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Thực hiện việc sắp xếp, bố trí công chức, viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm, phù hợp với năng lực, sở trường. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác đào tạo, tuyển dụng và sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là ở cấp xã, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời có cơ chế khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

b) *Các sở, ban, ngành (đặc biệt là Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính) và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ:* Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng,... nhằm tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, phát triển các khu vực doanh nghiệp

3.1. Công tác quy hoạch và xây dựng mô hình tăng trưởng mới

a) *Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ:* Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực nhằm khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế để mở ra các không gian, động lực phát triển mới.

b) *Sở Xây dựng, Ban quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Tập trung hoàn thành điều chỉnh/lập quy hoạch chung đô thị và nông thôn, quy hoạch chung khu chức năng, quy hoạch phân khu chức năng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch sau khi được phê duyệt.

c) *Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường*: Xây dựng mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là trọng tâm để thúc đẩy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng.

3.2. Tập trung phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

a) *Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường*:

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng thực chất, hiệu quả, phát huy lợi thế của từng vùng, từng địa phương; phấn đấu mỗi xã, phường xây dựng ít nhất 03 mô hình chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm trên cơ sở tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất; gắn kết chặt chẽ sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, dịch vụ và thị trường tiêu thụ.

- Phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; bảo tồn và phát triển các giống bản địa có giá trị. Cụ thể:

+ Về trồng trọt: Tập trung phát triển các loại cây trồng đặc trưng, đặc hữu, có lợi thế cạnh tranh và giá trị kinh tế cao của tỉnh như: Hồng không hạt, lúa chất lượng cao, chè Shan tuyết, cây ăn quả có múi, cây ăn quả ôn đới, rau củ quả sạch,... gắn với xây dựng và phát triển vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh trồng trọt theo chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Về chăn nuôi: Tập trung phát triển các giống vật nuôi đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế và lợi thế cạnh tranh cao như: Bò vàng trâu ngố, lợn đen, gà H'Mông, vịt bầu, mật ong bạc hà,...

+ Về thủy sản: Khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước các hồ thủy điện để mở rộng phát triển nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm yêu cầu về môi trường. Ưu tiên phát triển một số giống thủy sản đặc sản, có lợi thế như: Cá bống, cá lăng, cá chiên, cá trạch, cá nước lạnh và các loài cá đặc sản khác.

- Nhân rộng các mô hình nông nghiệp sạch, VietGAP, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Tập trung nâng cao chất lượng các sản phẩm chủ lực và đặc sản địa phương gắn với phát triển thương hiệu

OCOP. Chú trọng xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh và tiến tới xuất khẩu.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị, tích hợp sản xuất nông nghiệp với du lịch, dịch vụ, bảo tồn văn hóa và hệ sinh thái. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,2%. Khai thác hiệu quả các giá trị từ rừng thông qua phát triển mô hình nông, lâm kết hợp; phát triển lâm sản ngoài gỗ, gỗ rừng trồng; dược liệu dưới tán rừng. Mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và dược liệu. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường tín chỉ các-bon rừng khi có đầy đủ cơ sở pháp lý.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan: Hướng dẫn các xã, phường ứng dụng khoa học, công nghệ trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có lợi thế, giá trị kinh tế cao; ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

c) Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh có ưu thế và sức cạnh tranh trên thị trường. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện công tác xây dựng thương hiệu hàng hóa đối với các mặt hàng nông sản chủ lực, có thế mạnh của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Triển khai hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, ưu tiên, thu hút phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng. Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và phát triển vùng nguyên liệu.

3.3. Cơ cấu lại và phát triển các ngành công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng theo định hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh

a) Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tập trung xây dựng Tuyên Quang trở thành trung tâm của vùng về công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy. Tập trung xu hướng chuyển dịch công nghiệp, mở rộng liên kết, thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao. Tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, da giày và các ngành công nghiệp khác.

- Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, bền vững nhằm cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Khuyến khích áp dụng công nghệ sử dụng hiệu quả tài nguyên, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án nguồn điện đã có chủ trương đầu tư như: Điện sinh khối Tuyên Quang, Thủy điện Yên Sơn, Thủy điện Sông Lô 5, Thủy điện Sông Lô 3,...; bổ sung quy hoạch và đầu tư nâng công suất của Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang, Thủy điện Thái An, Thủy điện Chiêm Hoá, Thủy điện Sông Lô 8B,... Đa dạng hình thức, giải pháp thu hút đầu tư phát triển nguồn năng lượng: thủy điện, năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời và các dạng năng lượng khác có hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp có năng lực đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học vào quản lý, sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Lựa chọn, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ chất lượng, thiết thực trong lĩnh vực công nghiệp.

c) Sở Công thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Triển khai thành lập, mở rộng, điều chỉnh khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để thu hút đầu tư.

3.4. Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử và bản sắc các dân tộc để hình thành hệ thống sản phẩm du lịch đặc thù, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trong khu vực, như: Du lịch lịch sử - văn hoá; du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng; du lịch tâm linh - lễ hội; du lịch cộng đồng; du lịch thể thao mạo hiểm,... Phát triển thương hiệu du lịch của tỉnh gắn với các giá trị nổi trội, gồm: không gian di sản địa chất Cao nguyên đá Đồi Vần; hệ sinh thái hồ - rừng Na Hang - Lâm Bình; suối khoáng Mỹ Lâm; khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; danh thắng ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, cùng các mô hình du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái rừng đặc trưng. Kết hợp thúc đẩy du lịch với các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng và mua sắm các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh.

- Nâng cao công tác quản lý và nhận thức của Nhân dân về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống, tri thức bản địa, dân ca, dân vũ để xây dựng thành sản phẩm du lịch đặc sắc, hấp dẫn du khách. Quan tâm đầu tư bảo tồn một số di tích được xếp hạng đã xuống cấp. Xây dựng và hoàn thiện các quy định trong quản lý, khai thác để bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch. Thực hiện chính sách tôn vinh và có chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công truyền dạy, phổ biến di sản văn hóa phi vật thể.

- Thực hiện hiệu quả công tác xúc tiến, quảng bá tiềm năng, thế mạnh về thiên nhiên, các giá trị văn hóa truyền thống. Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trọng điểm về du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, gắn điểm đến Tuyên Quang vào chuỗi giá trị du lịch liên tỉnh, liên vùng, góp phần nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của du lịch Tuyên Quang. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, tăng cường tổ chức các bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển.

3.5. Phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu

a) Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tập trung thúc đẩy phát triển kinh tế và thương mại biên giới. Triển khai thực hiện nghiêm Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 493/QĐ-TTg, ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030. Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách về thương mại biên giới, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng hàng hóa; tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu. Khuyến khích các doanh nghiệp địa phương tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm của địa phương.

- Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, quảng bá hình ảnh, tiềm năng của tỉnh; hàng năm phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng danh mục các dự án thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hiện đại, logistics, hệ thống phân phối xanh và chợ nông thôn phục vụ dân sinh, du lịch.

- Tăng cường quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu, xử lý nghiêm gian lận thương mại, hàng giả, buôn lậu; đẩy mạnh tuyên truyền phong trào “Người tiêu dùng nói không với hàng giả”. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu số. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng hóa vi phạm về nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tập trung kiểm soát chất lượng, giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống của Nhân dân.

b) Ban quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Tập trung đầu tư và xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics kết nối với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Nâng cao chất lượng công tác quản lý các hoạt động kinh doanh vận tải. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ, đảm bảo cạnh tranh công bằng giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ vận tải. Khuyến khích sự tham gia của các đơn vị tư nhân phát triển các dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân.

3.6. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thành phần kinh tế

a) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin, đặc biệt là thông tin về các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương, các dự án đầu tư công, đấu thầu, các dự án kêu gọi đầu tư, các quy trình, thủ tục và kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các ngành, các cấp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp. Triển khai giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo lộ trình.

- Tăng cường chuyển đổi mô hình hoạt động các hợp tác xã theo đúng Luật Hợp tác xã. Hỗ trợ, hướng dẫn để phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hộ hoạt động hiệu quả; mở rộng các dịch vụ của hợp tác xã, đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã và tổ hợp tác. Xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới, xây dựng chuỗi sản phẩm từ sản xuất đến tiêu dùng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo phát triển bền vững.

- Rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật còn chồng chéo, bất cập, tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thuận lợi. Đơn giản hoá thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Thực hiện tốt vai trò đầu mối trong tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết thủ tục đầu tư; kịp thời giải đáp vướng mắc, hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu và triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh. Phát huy hiệu quả hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện các giải pháp đồng hành, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu

tu, kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định danh mục các dự án trọng điểm thu hút đầu tư; ưu tiên nguồn lực tài chính để thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng sạch đầu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất theo quy hoạch. Phần đầu giai đoạn 2026-2030 thu hút khoảng 150 dự án đầu tư mới, tổng vốn đăng ký tăng thêm khoảng 70.000 - 75.000 tỷ đồng, trong đó vốn FDI đạt khoảng 15.000 - 20.000 tỷ đồng.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị. Khuyến khích phát triển đồng đều các thành phần kinh tế; thực hiện phương châm “Đồng hành cùng doanh nghiệp”, bảo vệ quyền tài sản, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, không phân biệt đối xử, đảm bảo bình đẳng trước pháp luật về quyền lợi và cơ hội kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện qua mạng 100% các thủ tục đăng ký doanh nghiệp, các thủ tục, giấy tờ liên quan khác đến hoạt động doanh nghiệp; giải quyết kịp thời các vướng mắc, kiến nghị hợp lý của các nhà đầu tư, doanh nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có 10.000 doanh nghiệp.

- Triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 23/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình số 168/CT-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ về phát triển kinh tế nhà nước; hoàn thành việc sắp xếp, thoái vốn nhà nước đối với doanh nghiệp do tỉnh quản lý theo lộ trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Ngân hàng nhà nước khu vực 4 (địa bàn tỉnh Tuyên Quang): Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn:

- Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các cơ chế, chính sách về tiền tệ, hoạt động ngân hàng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Thực hiện tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh, trong đó ưu tiên vốn cho các khâu đột phá và các động lực tăng trưởng (*nông nghiệp và công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu,...*); đáp ứng đầy đủ, kịp thời theo quy định nhu cầu vốn thực hiện các chính sách phát triển kinh tế của tỉnh.

- Kịp thời xử lý theo thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận vốn tín dụng; thực hiện đúng quy định các cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, người dân vay vốn tín dụng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số vào hoạt động cấp tín dụng nhằm cắt giảm thủ tục vay vốn và thời gian giải quyết cho vay; tiếp tục phát triển đa dạng các dịch vụ ngân hàng, ứng dụng các công nghệ ngân hàng hiện đại, an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của tổ chức, cá nhân, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

4. Tập trung thực hiện đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chủ động rà soát, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025 - 2030, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới; phấn đấu phủ sóng di động vùng trắng, lõm sóng; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi dữ liệu; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số của tỉnh. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến; xây dựng chính quyền điện tử hiện đại. Phát triển nhân lực số, đào tạo kỹ năng số toàn dân; thu hút, trọng dụng trí thức, chuyên gia; ưu tiên nâng cao năng lực số cho cán bộ cơ sở, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ hằng năm thuộc các ngành, lĩnh vực bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Đẩy mạnh ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện các đề tài, dự án vào sản xuất và đời sống của người dân, doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, xây dựng, bảo hộ, phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc sản địa phương. Tăng cường

ứng dụng công nghệ sinh học, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, công nghệ số, canh tác thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP, cây dược liệu nhằm khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển du lịch thông minh (xây dựng bản đồ số, thuyết minh số, quảng bá di sản, danh thắng của tỉnh...).

- Hướng dẫn hoạt động sáng kiến; khuyến khích, động viên cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích phục vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công việc và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, hướng dẫn, cấp Giấy chứng nhận 15 tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế; bảo đảm tiên bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

5.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025-2035. Triển khai đồng bộ hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong thời kỳ mới phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng xây dựng Tuyên Quang phát triển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Chú trọng công tác bảo tồn, khai thác và phát huy mạnh mẽ các giá trị di sản văn hóa, trong đó ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư bảo tồn các làng văn hoá dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến. Tập trung đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao từ cấp tỉnh đến cấp xã, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao tinh có thể mạnh.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, dựa trên giá trị di sản văn hóa, lịch sử cách mạng, bản sắc văn hoá các dân tộc và cảnh quan thiên nhiên đặc sắc của tỉnh; từng bước hình thành các sản

phẩm công nghiệp văn hóa đặc trưng của tỉnh, có khả năng cạnh tranh. Gắn phát triển công nghiệp văn hóa với phát triển du lịch, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, góp phần nâng cao giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và quảng bá hình ảnh, con người Tuyên Quang, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng các không gian văn hoá sáng tạo, các điểm diễn sường có quy mô vừa và nhỏ phục vụ công tác bảo tồn, trình diễn di sản văn hoá phi vật thể gắn với du lịch của tỉnh, hệ thống rạp chiếu phim, phim trường, các làng nghề thủ công mỹ nghệ và sản phẩm OCOP mang giá trị văn hoá gắn với du lịch.

5.2. Thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 18/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 và Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 25/02/2026. Thực hiện cơ chế, chính sách đặt hàng đào tạo giáo viên đối với những môn học mà tỉnh có nhu cầu và hiện đang thiếu nguồn tuyển dụng; chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quốc tế, khu vực, quốc gia và cấp tỉnh; chính sách khuyến khích đối với học sinh các trường trung học phổ thông chuyên đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn mới.

- Sắp xếp lại điểm trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tiết kiệm biên chế giáo viên và kinh phí đầu tư. Tập trung nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2030 đạt 100% phòng học kiên cố. Bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Xây dựng một số trường phổ thông trọng điểm, chất lượng cao, hội nhập quốc tế. Tạo chuyển biến rõ nét về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tổ chức dạy học kỹ năng số và trí tuệ nhân tạo trong trường học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khẩn trương chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo, trang cấp phòng học trực tuyến cho các trường mầm non, phổ thông để dự giờ, sinh hoạt chuyên môn trực tuyến. Tập trung dồn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các trường nội trú tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3-5 tuổi; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ; tiếp tục thực hiện các giải pháp xóa mù chữ cho người dân ở những vùng khó khăn, biên giới.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn; phân đấu điểm trung bình kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và số lượng giải học sinh giỏi quốc gia trong nhóm 25 tỉnh, thành phố; chú trọng giáo dục mũi nhọn, phân đấu có học sinh tham gia đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trong các cơ sở giáo dục. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các danh lam thắng cảnh, địa danh lịch sử trên địa bàn tỉnh.

5.3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, nâng cao chất lượng lao động gắn với giải quyết việc làm

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Triển khai sớm công tác tuyên truyền, tư vấn phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh cấp trung học cơ sở ngay từ lớp 6, lớp 7; tăng cường truyền thông chính sách về học nghề cho học sinh trung học cơ sở tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Đổi mới truyền thông (video, fanpage, tư vấn theo cụm xã...), mở rộng hình thức tư vấn phân luồng, định hướng nghề nghiệp qua tham quan, trải nghiệm tại doanh nghiệp phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn.

- Rà soát, sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hiện lộ trình sáp nhập Trường Trung cấp dân tộc nội trú - giáo dục thường xuyên Bắc Quang vào Trường Cao đẳng Tuyên Quang, tập trung đầu tư nâng cao năng lực của Trường Cao đẳng Tuyên Quang trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp nòng cốt của tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu, triển khai chuyển đổi một số Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đủ điều kiện sang mô hình trường trung học nghề nhằm nâng cao hiệu quả phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

- Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo khu vực liên xã, phường phù hợp với điều kiện thực tiễn; phát huy vai trò của các Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trong đào tạo nghề sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, bồi dưỡng kỹ năng nghề, góp phần mở rộng cơ hội học tập suốt đời, nâng cao kỹ năng lao động cho người dân.

- Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong và ngoài nước. Thúc đẩy mô hình liên kết “Nhà trường - Doanh nghiệp - Nhà nước”, ưu tiên đào tạo nhân lực kỹ thuật, công nghệ cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tăng cường tổ chức các hoạt động dịch vụ việc làm trong cơ sở đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn nhằm nâng cao hiệu quả giới thiệu, giải quyết việc làm cho người học sau tốt nghiệp.

- Triển khai, tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành. Quan tâm triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm người lao động theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh, đổi mới hoạt động dịch vụ việc làm gắn với chuyển đổi số. Tiếp tục đẩy mạnh đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nhất là các thị trường ổn định, có chất lượng, thu nhập cao. Triển khai hiệu quả thỏa thuận đưa lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc và thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới. Tăng cường công tác tuyên truyền và kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện giải quyết chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng quy định.

5.4. Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, hướng tới sự hài lòng của người bệnh tại các tuyến y tế. Triển khai hiệu quả công tác dự phòng, dân số, đảm bảo an toàn thực phẩm; tăng cường công tác kiểm tra việc hành nghề y - dược tư nhân. Triển khai việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế và tăng cường quản lý nhân lực y tế theo các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền sau sáp nhập, đảm bảo tinh gọn, phù hợp và đạt hiệu quả cao. Thực hiện chuyển đổi số, triển khai thí điểm thực hiện sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VneID, triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tăng cường thực hiện hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương trong việc tiếp nhận hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các tuyến. Tiếp tục xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành Trung tâm khoa học, kỹ thuật y tế, chuyên giao công nghệ, đảm bảo chăm sóc sức khỏe Nhân dân tuyến Đông Bắc; chuẩn bị đầy đủ phương án và các điều kiện bảo đảm Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại địa điểm mới đi vào hoạt động ngay sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng.

5.5. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội

a) *Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để nâng cao điều kiện sống của người nghèo, người dân tộc thiểu số, bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản như chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin,...

b) *Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh; làm tốt công tác "Đền ơn đáp nghĩa", chính sách hậu phương, quân đội; đảm bảo đời sống người có công với cách mạng và thân nhân người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

5.6. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thông tin và truyền thông

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tiếp tục duy trì và phát triển hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở có ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông, internet. Phát triển và quản lý chặt chẽ công tác truyền thông số để lan tỏa, quảng bá hình ảnh, văn hóa, con người, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Kịp thời nắm bắt, kiểm soát thông tin, đấu tranh, phản bác, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng, phản ánh đúng thực tiễn của tỉnh, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí, xuất bản trên địa bàn tỉnh. Kịp thời định hướng, chỉ đạo thông tin báo chí để góp phần nâng cao chất lượng nội dung thông tin, đặc biệt là công tác định hướng tuyên truyền các sự kiện lớn, sự kiện đột xuất, các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh và các vấn đề đang được dư luận xã hội quan tâm. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

5.7. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo

Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và các chính sách dân tộc theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân tộc, nâng cao ý thức tự lực, tự chủ trong phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao thu nhập của người dân tộc thiểu số. Phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng các phong trào thi đua trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chú trọng công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Chủ động hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo trực thuộc, điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung sinh hoạt, hoạt động theo quy định của pháp luật và Hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Nắm chắc tình hình hoạt động của các tôn giáo tại cơ sở; thực hiện giải quyết các kiến nghị, đề nghị chính đáng, hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo theo quy định của pháp luật.

6. Tiếp tục thực hiện đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

6.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

Rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách); tập trung xử lý dứt điểm các vấn đề thuộc thẩm quyền; đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và sớm đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

6.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tập trung huy động nguồn lực, đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông. Trọng tâm là: Hoàn thành cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đến Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy. Tập trung đầu tư xây dựng các tuyến kết nối liên vùng với các tỉnh lân cận và các trung tâm kinh tế lớn; tuyến trục chính kết nối đến các khu vực trọng điểm về phát triển công nghiệp. Đầu tư nâng cấp mở rộng, thảm nhựa các cung đường du lịch chủ đạo là khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn để hỗ trợ

phát triển du lịch và các tuyến giao thông có tiềm năng khác. Nâng cấp quốc lộ, đường tỉnh đạt tiêu chuẩn; cứng hóa, nhựa hóa, bê tông hóa đường xã, thôn theo tiêu chí nông thôn mới; đẩy mạnh “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” đối với đường giao thông nông thôn.

- Đẩy mạnh các giải pháp quy hoạch phát triển đô thị, đô thị thông minh tạo tiền đề vững chắc để phát triển kinh tế, an sinh xã hội. Xây dựng các xã, phường trung tâm trên địa bàn tỉnh làm đô thị hạt nhân. Đẩy mạnh liên kết vùng giữa các xã, hình thành các vùng mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Chủ động rà soát, xây dựng hạ tầng đảm bảo điều kiện triển khai, phát triển kinh tế tầm thấp ứng dụng đa mục đích.

- Mở rộng các loại hình nhà ở, tập trung hoàn thành 3.000 căn nhà ở xã hội trong giai đoạn 2026-2030. Phát triển hạ tầng số, mở rộng hạ tầng viễn thông, xoá bỏ vùng trắng sóng, lốm sóng, nhằm thu hẹp khoảng cách số, đặc biệt ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới.

6.3. Sở Công thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp đã thành lập, đồng thời tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, tạo quỹ đất sạch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các khu công nghiệp trọng điểm: Long Bình An, Nhữ Khê - Đội Cấn, Tam Đa. Triển khai thành lập, hoàn thiện, mở rộng mạng lưới các khu, cụm công nghiệp theo Quy hoạch tỉnh. Phân đấu 100% khu công nghiệp có hạ tầng bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định, các cơ sở hoạt động trong khu, cụm công nghiệp tuân thủ quy chuẩn môi trường.

6.4. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 25/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường triển khai các giải pháp thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Hiện đại hóa hệ thống truyền, tải điện, phát triển năng lượng sạch, tái tạo, giảm tổn thất. Xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp lý để phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu, các hệ thống xử lý rác có thu hồi năng lượng và các dự án điện sinh khối.

6.5. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Hạ tầng giáo dục: Kiên cố hóa 100% phòng học; xây dựng 17 trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới; nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia; phát triển trường trọng điểm, chất lượng cao.

- Hạ tầng y tế: Phân đầu 100% đơn vị y tế được đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, hiện đại; 100% các trạm y tế cấp xã, phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực đáp ứng chức năng, nhiệm vụ. Thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân, cơ sở dưỡng lão ngoài công lập.

- Hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch: 100% xã, phường có thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp, hiệu quả; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa - khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng; 100% khu, điểm du lịch trọng điểm có hệ thống bến bãi, điểm dừng chân, biển chỉ dẫn và công trình dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

- Hạ tầng thủy lợi: Đảm bảo duy trì phục vụ tưới ổn định cho 75.000 ha lúa, rau màu, cây trồng cạn, thủy sản trở lên. Phân đầu tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 56,9%.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024 theo thẩm quyền. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường.

- Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên theo nguyên tắc thị trường và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương. Triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội; coi trọng quản lý và thực hiện có hiệu quả việc giao đất, cho thuê đất.

- Chú trọng quản lý, phát triển tài nguyên rừng, tài nguyên nước, xác định đây là hai tài nguyên quý giá, tác động lớn đến tương lai phát triển bền vững của tỉnh. Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ, đập chứa nước; bảo vệ chất lượng nguồn nước của các sông, suối, hồ. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh

thái rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, quý hiếm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia, chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Chủ động giám sát, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung nâng cao cơ sở hạ tầng, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai. Quan tâm xây dựng quy hoạch tổng thể, bố trí ổn định dân cư ra khỏi vùng lũ quét và sạt lở. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ số, tiên tiến góp phần nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai; nắm chắc diễn biến thời tiết, kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn đối với các công trình thủy điện; an toàn đập, vùng hạ du đập; chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng, chống thiên tai. Chủ động phối hợp, trao đổi thông tin về thiên tai, khí tượng thủy văn với các địa phương của Trung Quốc.

8. củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

8.1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Quán triệt thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của các cấp về nhiệm vụ quốc phòng địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Đổi mới toàn diện, đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng; tăng cường quản lý, bảo vệ biên giới theo 03 văn kiện pháp lý và các thỏa thuận đã ký kết. Kết hợp chặt chẽ đối ngoại quân sự, quốc phòng, đối ngoại biên phòng và ngoại nhân dân. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát xuất, nhập cảnh, đáp ứng yêu cầu mở rộng, giao lưu, hội nhập quốc tế; tăng cường hợp tác với các lực lượng quản lý biên giới tỉnh Vân Nam, tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) trong các lĩnh vực quản lý, kiểm soát cửa khẩu, lối mở, kiểm soát an ninh khu vực biên giới.

8.2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ; giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc phức tạp an ninh nông thôn, không để xảy ra mâu thuẫn, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân; bảo đảm an ninh, an toàn các đối tượng, mục tiêu quan trọng. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, trọng tâm là tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy, tội phạm trên không gian mạng... Tập trung triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội;

đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra khám phá và giải quyết án. Tăng cường công tác quản lý cư trú, quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, cháy, nổ và hậu quả, thiệt hại gây ra; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

8.3. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Xây dựng, triển khai các quy định, quy chế của tỉnh về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy triển khai thực chất và hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết với địa phương, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Tiếp tục duy trì, phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, đảm bảo hợp tác hai bên cùng có lợi trong khuôn khổ quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Trung Quốc; trọng tâm là thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại qua biên giới. Duy trì và phát triển, làm sâu sắc hơn các quan hệ ngoại giao địa phương đã thiết lập. Đẩy mạnh xúc tiến hợp tác và mở rộng quan hệ với địa phương các nước, đại sứ quán các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài... Thực hiện lồng ghép công tác ngoại giao văn hóa với các hoạt động chính trị, ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân nhằm quảng bá hình ảnh văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc, thiên nhiên Tuyên Quang, đặc biệt là hình ảnh Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đổng Văn với thế giới, di sản văn hóa độc đáo của “Thủ đô Khu giải phóng”, “Thủ đô Kháng chiến”.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ QUẢN LÝ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC; QUẢN LÝ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG; ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Nhiệm vụ, giải pháp về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

1.1. Về thu ngân sách nhà nước

a) *Sở Tài chính, Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XVI và Ủy ban nhân dân cấp xã*: Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trong quản lý thu ngân sách nhà nước, chủ động đánh giá tác động, ảnh hưởng tình hình thế giới, trong nước đến công tác thu ngân sách nhà nước, thực hiện các giải pháp tăng thu, bù đắp các khoản giảm thu. Tăng cường quản lý, chống thất thu thuế trong các hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số. Quan tâm chỉ đạo mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phấn đấu tăng tỷ trọng thu nội địa. Tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công

tác quản lý thuế, công tác thông quan hải quan; giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, hải quan, đảm bảo công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao hiệu quả công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về thuế của người dân, doanh nghiệp.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Thực hiện tốt nhiệm vụ xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh góp phần tạo nguồn thu, tăng quy mô thu ngân sách của tỉnh.

1.2. Về chi ngân sách địa phương

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo hướng tăng dần cho chi đầu tư phát triển. Tăng cường giải pháp tiếp tục tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung cho đầu tư phát triển; ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm vụ quy hoạch. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; không ban hành các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án làm tăng chi ngân sách nhưng không cân đối được nguồn lực.

- Kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương, quản lý giá, tài sản công,... thuộc thẩm quyền của địa phương.

- Tăng dần mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện đầy đủ cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ công, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/5/2018 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu lại chi ngân sách địa phương, dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương gắn với việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

- Công khai, minh bạch, chống tiêu cực, tham nhũng trong việc giao chỉ tiêu thu - chi ngân sách nhà nước; tăng cường phân công, phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật, cá thể hóa trách nhiệm gắn với kiểm tra, giám sát, phân bổ nguồn lực hợp lý, đặc biệt coi trọng và phát huy vị trí, vai trò của người đứng đầu.

b) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng quản lý, sử dụng trụ sở làm việc trên địa bàn; xây dựng và triển khai phương án sắp xếp, bố trí, điều chuyển nhằm tận dụng tối đa công năng các trụ sở hiện có, hạn chế tối đa việc đầu tư xây dựng mới.

2. Nhiệm vụ, giải pháp về quản lý nợ của chính quyền địa phương giai đoạn 2026-2030

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan: Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nợ chính quyền địa phương theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn của trung ương. Kiểm soát chặt chẽ các khoản vay nợ của chính quyền địa phương; bố trí nguồn bảo đảm trả nợ gốc, lãi và phí các khoản vay đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo dư nợ chính quyền địa phương trong hạn mức cho phép. Sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, đảm bảo hiệu quả và theo đúng quy định.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

3.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách và các văn bản có liên quan trong quá trình quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công.

- Phân bổ nguồn vốn có trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu, dự án liên kết vùng, các dự án trọng điểm, phù hợp với nhu cầu, khả năng triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của nguồn vốn. Giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025. Quán triệt nguyên tắc việc hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư dự án phải được thực hiện xuyên suốt trong quá trình từ xây dựng nhu cầu, phân bổ vốn, đến tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng vốn đầu tư công và vận hành, khai thác dự án sau khi hoàn thành đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán hết nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và thu hồi vốn ứng trước theo quy định; bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, đảm bảo hoàn thành đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả các dự án.

- Tháo gỡ các “điểm nghẽn” pháp lý, cải cách thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, khơi thông nguồn lực; phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm đạt 100% kế hoạch giao. Kiên quyết không bố trí vốn cho các dự án chưa đủ thủ tục hoặc kém hiệu quả. Kết hợp hiệu quả giữa ngân sách trung ương và địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án: Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm của tỉnh, như: Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang (hoàn chỉnh 04 làn xe); Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (đoạn từ xã Tân Quang đến Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy); Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang; các dự án xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở các xã biên giới;...

3.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, đặc biệt là chất lượng công trình và chi phí đầu tư đối với các công trình có sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Tăng cường thực hiện kiểm tra chất lượng các công trình đang thi công và kiểm tra nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Nâng cao năng lực quản lý và hoạt động của các Ban quản lý dự án.

3.3. Sở Nông nghiệp và môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Rà soát quy hoạch các mỏ đá, cát, đất để đảm bảo đủ nguyên vật liệu cho các dự án đầu tư, nhất là đầu tư công; khẩn trương tháo gỡ các khó khăn liên quan đến cấp phép các mỏ đá, cát, đất để phục vụ cho việc triển khai các dự án, công trình quan trọng.

- Tập trung hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai các giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, giải phóng mặt bằng các dự án đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công.

(Chi tiết các nhiệm vụ cụ thể và phân công thực hiện tại Phụ lục III)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chương trình hành động này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp trong Chương trình hành động đề ra, chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động này theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này vào các Chương trình, Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ thời gian hoàn thành, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm từng nội dung công việc.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình hành động. Tăng cường sự phối hợp triển khai thực hiện giữa các sở, ban, ngành và các xã, phường; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, Đoàn thể ở các cấp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính và đầu tư công trung hạn 2026-2030 đã đề ra.

- Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình hành động này, những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ và đề xuất, kiến nghị; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính).

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể của Chương trình hành động, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: LĐVP, CVNCTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

Ar

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

Phụ lục I

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM,
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Chương trình số 216/CTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ			
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá hiện hành năm cuối kỳ	Tỷ đồng	170.000	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) theo giá so sánh bình quân giai đoạn	%	10,5	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
2.1	<i>Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	5,56	<i>Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thống kê tỉnh</i>
2.2	<i>Khu vực công nghiệp và xây dựng</i>	%	15,60	
-	Công nghiệp	%	17,84	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	20,28	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
-	Xây dựng	%	12,00	Sở Xây dựng, Thống kê tỉnh
2.3	<i>Khu vực dịch vụ</i>	%	10,09	
-	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, ...	%	13,73	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
-	Vận tải, kho bãi	%	12,94	Sở Công thương, Sở Xây dựng, Thống kê tỉnh
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	14,35	Sở Công thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thống kê tỉnh
-	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	8,93	Sở Tài chính, Ngân hàng nhà nước khu vực 4, Thống kê tỉnh
-	Khoa học và Công nghệ	%	7,41	Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh
2.4	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%	6,56	<i>Sở Tài chính, Thống kê tỉnh</i>
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người (giá hiện hành) năm cuối kỳ (VNĐ)	Triệu đồng/người	95	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
-	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người (giá hiện hành) năm cuối kỳ (USD)	USD/người	3.654	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
4	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm (IIP)	%	11	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
5	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	15,22	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
6	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD/người	556,15	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
7	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	10,1	Sở Công thương, Thống kê tỉnh
8	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	11,1	Sở Công thương
8.1	<i>Trong đó: Nhóm nông, lâm, thủy sản</i>	%	12,04	<i>Sở Công thương</i>
8.2	<i>Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	10,83	<i>Sở Công thương</i>
8.3	<i>Nhóm nhiên liệu, khoáng sản</i>	%	10,54	<i>Sở Công thương</i>
9	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hoá	%	6,8	Sở Công thương
10	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hoá	%	7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11	Thu hút khách du lịch	Triệu lượt khách	6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Số lượt khách quốc tế đến Tuyên Quang đến năm 2030	Triệu lượt khách	0,9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
12	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm cuối kỳ	% GRDP	≥ 20	Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030	%	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm cuối kỳ	Tỷ đồng	12.000	Sở Tài chính, Thuế tỉnh
15	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm cuối kỳ	Tỷ đồng	75.000	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
-	Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP	%	44,12	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
16	Năng suất lao động năm cuối kỳ	Triệu đồng/lao động	213	Thống kê tỉnh
-	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	9,1	Thống kê tỉnh
17	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	3,5	Sở Công thương
18	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đến năm 2030	Doanh nghiệp	10.000	Sở Tài chính
19	Tỷ lệ đô thị hoá	%	29	Sở Xây dựng
20	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	>75	Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	Trồng rừng tập trung cả giai đoạn	Ha	50.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II CHỈ TIÊU XÃ HỘI				
22	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,72	Thống kê tỉnh
23	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học			Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Mầm non	%	73	
-	Phổ thông	%	80	
24	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72	Sở Nội vụ
	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ	%	30	Thống kê tỉnh
25	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	72	Sở Giáo dục và Đào tạo
26	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội trên địa bàn	%	43-45	Thống kê tỉnh
27	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đến năm 2030	%	30	Sở Giáo dục và Đào tạo
28	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	50	Sở Giáo dục và Đào tạo
29	Tỷ lệ xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả	%	100	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
30	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng	%	100	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
31	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	90	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
32	Tỷ lệ số thôn, bản, tổ dân số đạt danh hiệu văn hóa	%	85	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
33	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	95	Liên đoàn Lao động tỉnh
34	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (Chiều cao theo tuổi)	%	22,0	Sở Y tế
35	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia y tế xã	%	100	Sở Y tế
36	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,5	Sở Y tế
37	Thời gian sống khỏe tối thiểu	Năm	68	Sở Y tế

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
38	Số bác sĩ bình quân trên 1 vạn dân	Bác sĩ/vạn dân	11	Sở Y tế
39	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh/vạn dân	44	Sở Y tế
40	Tỷ lệ người dân hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100	Sở Y tế
41	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân hằng năm	%	3-4	Sở Nông nghiệp và Môi trường
42	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội	%		Bảo hiểm xã hội tỉnh
-	Bắt buộc	%	45	
-	Tự nguyện	%	5	
-	Thất nghiệp	%	35	
43	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	100	Bảo hiểm xã hội tỉnh
44	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	51,28	Sở Nông nghiệp và Môi trường
45	Hoàn thành đầu tư xây dựng căn hộ nhà ở xã hội	Căn hộ	3.000	Sở Xây dựng
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG			
46	Tỷ lệ che phủ rừng	%	62,2	Sở Nông nghiệp và Môi trường
47	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95	Sở Nông nghiệp và Môi trường
48	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Sở Y tế
49	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Ban quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế tỉnh
50	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	65	Sở Nông nghiệp và Môi trường
51	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98	Sở Nông nghiệp và Môi trường
52	Tỷ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh đến năm 2030	%	30	Sở Công thương
53	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%	100	Sở Công thương

Phụ lục II
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
VỀ TÀI CHÍNH VÀ VAY, TRẢ NỢ CÔNG, ĐẦU TƯ CÔNG
(Kèm theo Chương trình số 216/CTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026 - 2030

1.1. Về thu ngân sách nhà nước

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phấn đấu đạt 47.452 tỷ đồng (trong đó năm 2030 đạt 12.000 tỷ đồng).

- Cơ cấu thu ngân sách: Thu nội địa bằng 96,2% tổng thu ngân sách Nhà nước; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bằng 3,6% tổng thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2026-2030.

- Tốc độ tăng thu bình quân giai đoạn: 13,9%/năm.

1.2. Về chi ngân sách địa phương

- Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện giai đoạn 2026-2030 là 148.481,59 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 34.534,60 tỷ đồng; chi thường xuyên 111.014,18 tỷ đồng; chi trả nợ lãi vay 71,85 tỷ đồng.

- Chuyên dịch cơ cấu chi theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, trong đó tỷ trọng chi đầu tư phát triển bằng 23,4% tổng chi ngân sách địa phương; tỷ trọng chi thường xuyên bằng 74,8% tổng chi ngân sách địa phương.

1.3. Về mức vay của ngân sách địa phương

Dự kiến tổng mức vay của ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 là 714,66 tỷ đồng.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của Tỉnh thực hiện theo số kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao.

CÁC NHIỆM VỤ TRÒNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Phụ lục III

(Kèm theo Chương trình số 216/CTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
1	Nhóm nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030						
1	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" giai đoạn 2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên		Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Nhóm nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng bộ máy hệ thống chính trị đồng bộ, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.						
2.1	Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
2.2	Xây dựng Đề án đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đồng bộ, triệt để, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn mới	Sở Nội vụ, các sở ngành có liên quan đến lĩnh vực phân cấp, ủy quyền		Thời gian ban hành sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
2.3	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Chương trình hành động số 08-CT/TU ngày 13/8/2025
2.4	Triển khai thực hiện Đề án xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Đề án số 194/ĐA-UBND ngày 31/12/2025
2.5	Triển khai Nghị quyết về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đổi mới phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới giai đoạn 2025 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 45-NQ/TU, ngày 18/12/2025
2.6	Triển khai Nghị quyết về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 87-NQ/TU ngày 05/5/2026
2.7	Thực hiện việc sắp xếp, bố trí công chức, viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm; thực hiện tinh giản biên chế, đào tạo, tuyển dụng và sắp xếp, bố trí nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ	Sở Nội vụ		Thực hiện thường xuyên	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
2.8	Rà soát, tháo gỡ khó khăn trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, xây dựng, ... nhằm tạo điều kiện thực đẩy sản xuất kinh doanh	Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý		Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
2.9	Hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tôn đống, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2.10	Thiết lập cơ chế và xây dựng tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; cơ chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2.11	Hoàn thiện pháp luật để xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026 và thực hiện thường xuyên trong các năm tiếp theo	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
2.12	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phân đầu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết, nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp	Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý		Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
2.13	Kế hoạch triển khai Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030"	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 16/3/2026
2.14	Kế hoạch triển khai Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030"	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 12/3/2026
2.15	Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hằng năm	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I hằng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
2.16	Kế hoạch triển khai Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 25/5/2026
2.17	Các đề án sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (nếu có)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
2.18	Quyết định phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã giai đoạn 2026-2031	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
3	Nhóm nhiệm vụ về đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, phát triển các khu vực doanh nghiệp						

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
3.1	Triển khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Chủ tịch UBND tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 26/02/2026
3.2	Lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh và yêu cầu tăng trưởng "2 con số"	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.3	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 40-CT/TU ngày 25/02/2026
3.4	Kế hoạch thực hiện đảm bảo an ninh lương thực có hạt đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.5	Nghi quyết về chính sách hỗ trợ phát triển, mở rộng các vùng chuyên canh trồng trọt theo chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý IV/2027	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
3.6	Triển khai Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 90/NQ-TU ngày 12/5/2026
3.7	Điều chỉnh Đề án về xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.8	Đề án về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, định hướng đến năm 2050"	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.9	Quyết định ban hành kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.10	Quyết định phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.11	Triển khai Nghị quyết về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 86-NQ/TU ngày 24/4/2026
3.12	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
3.13	Kế hoạch về thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.14	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 24/11/2025
3.15	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/3/2026
3.16	Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng giai đoạn 2025-2030, ưu tiên phương tiện sử dụng năng lượng sạch	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.17	Triển khai Nghị quyết về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 92-NQ/TU, ngày 13/5/2026
3.18	Triển khai Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 03/6/2026
3.19	Triển khai Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 81-NQ/TW, ngày 14/4/2026
3.20	Kế hoạch triển khai Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.21	Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý I hằng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.22	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 11/8/2025
3.23	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 23/4/2026
3.24	Kế hoạch Phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3.25	Triển khai Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn triển UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
3.26	Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025
3.27	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hồ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 115/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025
4	Nhóm nhiệm vụ về tập trung thực hiện đổi mới và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
4.1	Triển khai Chi thị về việc đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước	Chi thị số 05-CT/TTU ngày 05/5/2026
4.2	Tổ chức một cửa liên thông số, kết nối dân cư - đất đai - an sinh - doanh nghiệp..., cập nhật thời gian thực từ cơ sở tới tỉnh và Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
4.3	Chương trình hành động về đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và xã hội số, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Chương trình hành động số 109/CT-UBND, ngày 17/3/2026
4.4	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu và nhu cầu của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước	
4.5	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4.6	Đề án phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4.7	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia...	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
4.8	Xây dựng và vận hành thí trường dữ liệu, ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong các ngành, lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
4.9	Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm tính toán, bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công dữ liệu kiện trực tuyến toàn trình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
4.10	Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
4.11	Nghị quyết quy định nội dung và mức chi sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
4.12	Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 tại tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
4.13	Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4.14	Tổ chức lại và vận hành hiệu quả Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
4.15	Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 22/4/2026
5	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân						
5.1	Triển khai Nghị quyết về xây dựng và phát triển con người Tuyên Quang phát triển toàn diện về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, thể lực, tâm mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 84-NQ/TU, ngày 20/4/2026
5.2	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 60-CT/TU ngày 27/5/2026
5.3	Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 30/NQ-CP, ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 7/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.4	Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có Quyết định, kế hoạch của Chính phủ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.5	Triển khai Đề án phát triển thể dục, thể thao tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 403/QĐ-UBND, ngày 02/3/2026
5.6	Kế hoạch về phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
5.7	Đề án báo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.8	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW, 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 11-CT/TU ngày 18/11/2025
5.9	Triển khai Nghị quyết về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 57-NQ/TU, ngày 29/01/2026
5.10	Triển khai Đề án về phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 381/QĐ-UBND, ngày 25/02/2026
5.11	Triển khai Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 532/QĐ-UBND, ngày 21/3/2026
5.12	Kế hoạch đưa giáo dục kỹ năng sống, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non	Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi Trung ương ban hành Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.13	Kế hoạch thực hiện Đề án "Đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi Trung ương ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.14	Triển khai Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 83-KH/TU, ngày 13/02/2026
5.15	Nghị quyết quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND, ngày 12/11/2025
5.16	Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND, ngày 10/12/2025
5.17	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh, giáo viên các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, giáo viên của tỉnh và chuyên gia tham gia bồi dưỡng đội tuyển thi chọn học sinh giỏi; thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực quốc tế hoặc quốc tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND, ngày 10/12/2025
5.18	Nghị quyết quy định mới số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
5.19	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ và mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	28/2026/NOQ-HĐND ngày 27/5/2026
5.20	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị "Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân"	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 12-CT/TU ngày 18/11/2025
5.21	Đề án thực hiện mục tiêu mọi người dân được khám sức khỏe miễn phí ít nhất mỗi năm một lần, phần đầu đến năm 2030 tiến tới cơ bản miễn viện phí toàn dân	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.22	Đề án về nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu, tăng cường y tế dự phòng, giai đoạn 2025 - 2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.23	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu Chăm sóc sức khỏe - dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.24	Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với công tác viên dân số thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 10/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.25	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 24-KH/TU, ngày 03/11/2025 của Tỉnh ủy Tuyên Quang thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XIII) về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 13/3/2026
5.26	Kế hoạch thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân ít nhất mỗi năm 1 lần theo nhóm đối tượng và lộ trình ưu tiên, làm cơ sở tạo lập Sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.27	Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 13/5/2026
5.28	Chỉ thị về nâng cao chất lượng y tế học đường	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.29	Đề án cấp cứu và cấp cứu ngoại viện	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 7/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.30	Đề án nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu, tăng cường y tế dự phòng, giai đoạn 2025-2030	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
5.31	Triển khai Chương trình thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 100-KH/TU ngày 31/03/2026
5.32	Triển khai Chương trình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Chương trình hành động số 39-CT/TU ngày 24/02/2026
5.33	Kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm và đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 18/3/2026
5.34	Nghị quyết quy định về mức quà tặng chức thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 11/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.35	Kế hoạch thăm, tặng quà đối tượng người có công nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 01 hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.36	Kế hoạch Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7 hàng năm)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 7 hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.37	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.38	Kế hoạch tổ chức Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bảo và Đài PTTT tỉnh; Các cơ sở phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường	Hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.39	Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.40	Quyết định quy định về giải thưởng báo chí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.41	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội liên ngành phòng, chống in lậu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh, Chi Cục QLTT tỉnh Tuyên Quang	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.42	Kế hoạch hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí Trung ương giai đoạn 2027-2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh	Năm 2027	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/Thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
5.43	Quy định về ban hành chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp xã giai đoạn 2026 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các xã, phường	Theo chỉ đạo của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.44	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5.45	Kế hoạch công tác quản lý nhà nước về tin ngưỡng, tôn giáo hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6	Nhóm nhiệm vụ về tiếp tục thực hiện đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng						
6.1	Nghị quyết về tiếp tục đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2025 - 2030	Sở Xây dựng	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Nghị quyết số 91-NQ/TU ngày 12/5/2026
6.2	Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Tháng 12/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
6.3	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NO/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6.4	Xây dựng Kế hoạch và tập trung hoàn thành 3.000 căn nhà ở xã hội trong giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6.5	Triển khai Kế hoạch về phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 07/11/2025
6.6	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6.7	Xây dựng hạ tầng trọng yếu cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
6.8	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội	Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
7	Nhóm nhiệm vụ về quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu						
7.1	Triển khai Đề án về hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đề án số 79/ĐA-UBND ngày 17/5/2026

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
7.2	Kế hoạch phòng chống thiên tai 05 năm, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
7.3	Kế hoạch quản lý môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
8	Nhóm nhiệm vụ về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại						
8.1	Triển khai Nghị quyết về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc giai đoạn 2025-2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 18/12/2025
8.2	Triển khai Kế hoạch về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giai đoạn 2026 - 2030.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 14/01/2026
8.3	Triển khai Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc; tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức thu lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối với các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 37-NQ/HĐND ngày 27/5/2026
8.4	Đề án rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
8.5	Kế hoạch xây dựng xã, phường không ma túy	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
8.6	Triển khai Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 05/02/2026
8.7	Triển khai Đề án đẩy mạnh xây dựng xã an toàn về an ninh, trật tự, không có tệ nạn ma túy và tội phạm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025 - 2030	Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 1818/QĐ-UBND, ngày 31/12/2025
8.8	Triển khai Đề án bảo đảm an ninh, trật tự lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025 - 2030	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 1819/QĐ-UBND, ngày 31/12/2025
8.9	Triển khai Đề án về tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Quyết định số 520/QĐ-UBND, ngày 20/3/2026
8.10	Triển khai Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026 - 2030	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 83-NQ/TU ngày 20/4/2026

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
8.11	Triển khai Chương trình về nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế giai đoạn 2026 - 2030	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Chương trình số 175/CTr-UBND ngày 04/5/2026
8.12	Chương trình tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà tài trợ nước ngoài, xúc tiến, vận động nguồn vốn trợ không hoàn lại nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
8.13	Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước	Chương trình số 48-CTr/TU ngày 31/3/2026
8.14	Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 125-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Ban Bí thư về tăng cường thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 9/2/2026
8.15	Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ngân sách Nhà nước	
8.16	Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đáng trong tình hình mới và Đề án tăng cường nâng cao quan hệ đối ngoại đáng cho giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2040	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý IV/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
8.17	Kế hoạch tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, giai đoạn 2025 - 2030	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
8.18	Kế hoạch triển khai Chiến lược ngoại giao văn hoá đến năm 2030 gắn với định hướng phát triển ngoại giao số đến năm 2030	Số Ngoại vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý III/2026	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
II	Nhóm nhiệm vụ về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; vay và trả nợ công 2026 - 2030						
1	Triển khai Nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Tuyên Quang	Số Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 10/12/2025
2	Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Tuyên Quang hằng năm	Số Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	

TT	Nhiệm vụ triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình UBND tỉnh/thực hiện	Thẩm quyền ban hành	Nguồn lực thực hiện	Ghi chú
3	Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trong quản lý thu ngân sách nhà nước, quyết tâm thu đạt và vượt dự toán giao	Sở Tài chính	Thuế tỉnh, Hải quan khu vực 16, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
4	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án đầu tư hạ tầng trọng điểm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
5	Kiểm soát chặt chẽ các khoản vay nợ của chính quyền địa phương; bỏ trí nguồn bảo đảm trả nợ gốc, lãi và phí các khoản vay đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo dự nợ chính quyền địa phương trong hạn mức cho phép	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
III	Nhóm nhiệm vụ và đầu tư công trung hạn 2026 - 2030						
1	Nghi quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	Nghi quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025
2	Nghi quyết phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Tuyên Quang	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Quý II/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	Văn bản số 3216/UBND-KTTH ngày 08/5/2026
3	Hoàn thành hương dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu tư...	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Đã ban hành	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước	
4	Phân bổ nguồn vốn cơ trong tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu, dự án liên kết vùng, các dự án trọng điểm, phù hợp với nhu cầu, khả năng triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của nguồn vốn	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026 và các năm tiếp theo	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
5	Nghi quyết về phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
6	Nghi quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Các sở chủ quản Chương trình MTOG	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Năm 2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
7	Nghi quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các sở, ngành chủ quản Chương trình MTOG và UBND các xã, phường	Năm 2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
8	Nghi quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm	Sở Tài chính	Các sở, ngành chủ quản Chương trình MTOG và UBND các xã, phường	Hằng năm	Hội đồng nhân dân tỉnh	Ngân sách Nhà nước	
9	Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Các sở chủ quản Chương trình MTOG	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Khi có hướng dẫn của Trung ương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	
10	Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm	Các sở chủ quản Chương trình MTOG	Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường	Hằng năm	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	